TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày 16-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Lý Thị Thiên Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và ông Ngô Văn P; cùng cư trú tại: Số 16A/119 đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn ủy quyền số 36/2017/UQ-VPB ngày 27/10/2017). Bà L, ông P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Hồng N; cư trú tại: Số 2/136 đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013 với chị Phạm Thị Hồng N để vay Ngân hàng với số tiền là 42.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 2,5%/tháng, phương thức cho vay: trả góp gốc và lãi hàng tháng. Hàng tháng chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.783.000 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho chị N theo đúng thỏa thuận và đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng là 42.000.000 đồng. Từ thời điểm Ngân hàng giải ngân tính đến ngày 27/10/2017 chị N đã trả cho Ngân hàng số là 38.444.000 đồng (nợ gốc là 24.120.697 đồng, nợ lãi là 14.323.303 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc chị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu chị Phạm Thị Hồng N phải trả cho cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013, tính đến ngày 15/9/2017 với tổng số tiền là 25.743.000 đồng; cụ thể: Nợ gốc là 17.879.303 đồng, nợ lãi 7.863.697 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu tính lãi từ sau ngày 15/9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng chị N phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết, bị đơn chị Phạm Thị Hồng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai lần nhưng chị N cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của chị N.Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị Phạm Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nhưng đã có lời khai phù hợp với đơn khởi kiện, và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Phạm Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013, tính đến ngày 15/9/2018 với số tiền là 25.743.000 đồng; cụ thể: (nợ gốc là 17.879.303 đồng, tiền nợ lãi 7.863.697 đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu tính lãi từ sau ngày 15/9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, chị N phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 388; 389; 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Buộc chị Phạm Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013, tính đến ngày 15/9/2017 là 25.743.000 đồng; cụ thể: nợ gốc là 17.879.303 đồng, nợ lãi 7.863.697 đồng. Bị đơn phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết với chị Phạm Thị Hồng N. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[3] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[4] Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn chị Phạm Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Ngày 03/11/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ký Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013 với chị Phạm Thị Hồng N vay số tiền là 42.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng.

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[5] Người tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức pháp luật; phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

[6] Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền 42.000.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn chị Phạm Thị Hồng N đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 15/9/2017, chị N còn nợ Ngân hàng với số tiền là 25.743.000 đồng; cụ thể: Nợ gốc là 17.879.303 đồng, nợ lãi 7.863.697 đồng. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện buộc chị Phạm Thị Hồng N phải trả nợ gốc, lãi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi:

[7] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Như vậy, bảng tính lãi của Ngân hàng có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bản tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Tính đến ngày 15/9/2017 bị đơn còn nợ nguyên

đơn số tiền nợ lãi 7.863.697 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[8] Từ những phân tích đánh giá như trên, nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013 hai bên đã ký kết.

- Về án phí:

[9] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng. Bị đơn chị Phạm Thị Hồng N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 388; Điều 389; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 90; Điều 91; Điều 94; Điều 95; Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Buộc chị Phạm Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 20131111-133016-0002 ngày 03/11/2013, tính đến ngày 15/9/2017 là 25.743.000 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng; cụ thể: nợ gốc là 17.879.303 đồng, nợ lãi 7.863.697 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải nộp 1.287.000 (một triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 (sáu trăm lăm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 00011790 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, chị Phạm Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng